

# DOSIDIOL®

## THUỐC KÊ ĐƠN, THUỐC NÀY CHỈ SỬ DỤNG THEO SỰ KÊ ĐƠN CỦA BÁC SĨ

### \* THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang chứa

- Nefopam hydrochlorid.....30 mg
- Tá dược: Lactose khan, Avicel 102, Magnesi stearat, Aerosil.....vừa đủ 1 viên nang

### \* DẠNG BẢO CHẾ: Viên nang.

### \* QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 2 vỉ x 15 viên nang.

### \* CHỈ ĐỊNH:

- Giảm đau trong các trường hợp đau cấp tính mức độ trung bình và đau mãn tính: đau đầu, đau cơ và chứng co thắt, đau răng, đau kỳ kinh nguyệt, đau sau phẫu thuật, đau do chấn thương, viêm tụy mãn tính, cơn đau sỏi mật, cơn đau quặn thận, cơn đau bướu ung thư.

### \* CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG: Dùng uống

- Người lớn: 1 viên x 2 lần/ngày hoặc nhiều hơn theo chỉ dẫn của Bác sĩ.

### \* CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Không dùng cho trẻ em dưới 15 tuổi, người có tiền sử bị các cơn co giật.
- Có thể gây ra tăng nhãn áp góc đóng, bí tiểu do rối loạn tuyến tiền liệt.
- Phụ nữ có thai.

### \* DƯỢC LỰC HỌC:

Nefopam hydrochlorid cho một sự dung nạp chung tốt, được xem là một thuốc giảm đau không opioid có tác dụng trên thần kinh trung ương, mặc dù cơ chế này chưa rõ ràng. Nó cũng có 1 số tác động đối kháng hệ đối giao cảm và hệ giao cảm. Nefopam hydrochlorid được sử dụng để giảm đau vừa phải với cơn đau cấp tính và mãn tính.

### \* DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Nefopam hấp thu ở dạ dày, ruột. Thuốc tập trung tối đa ở huyết tương được tìm thấy khoảng 1 – 3 giờ sau khi uống. Khoảng 73% gắn kết với protein huyết tương. Nefopam phân bố vào trong sữa mẹ. Thời gian bán thải khoảng 4 giờ. Phần lớn chuyển hóa và bài tiết qua nước tiểu, không quá 5% bài tiết dưới dạng không đổi. Khoảng 8% bài tiết qua phân.

### \* THẬN TRỌNG:

- Các bệnh nhân bí tiểu, glaucom góc đóng, suy gan hoặc thận.
- Đang dùng thuốc kháng tiết cholin.

### \* TƯƠNG TÁC THUỐC:

Không dùng đồng thời các thuốc sau đây:

- Thuốc chống giao cảm và kháng tiết cholin.
- Thuốc chống co thắt và có tác động giống Atropin.
- Thuốc trị bệnh Parkinson có tác động kháng tiết cholin.
- Thuốc chống trầm cảm nhóm Imipramin và thuốc an thần kinh thuộc nhóm Phenothiazin, chất chống trầm cảm 3 vòng.
- Kháng Histamin H<sub>1</sub> và chất Disopyramid.

### \* TÁC DỤNG PHỤ:

Các tác dụng phụ xảy ra với nefopam bao gồm các rối loạn tiêu hóa như buồn nôn và ói mửa, đổ mồ hôi, buồn ngủ, mất ngủ, bí tiểu, chóng mặt, hạ huyết áp, run, hồi hộp, choáng váng, lo lắng, hoang mang, mờ mắt, nhức đầu, khô miệng, bất tỉnh, phù mạch, và nhịp tim nhanh. Áo giắc, và co giật được báo cáo trong một vài trường hợp, nước tiểu tạm thời đổi sang màu hồng.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

### \* PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

- Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai.
- Không thấy tác dụng phụ ở trẻ sơ sinh bú sữa mẹ mà mẹ có sử dụng nefopam và được cho là thích hợp sử dụng cho phụ nữ cho con bú. Nồng độ nefopam trong sữa mẹ tương đương với nồng độ trong huyết tương; tính trên trọng lượng cơ thể, trẻ em bú sữa mẹ nhận được liều ít hơn hoặc bằng 3% liều của mẹ.

**\* QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:**

- Triệu chứng: Nefopam độc tính được thể hiện bởi các triệu chứng thần kinh (co giật, ảo giác, kích động) và phản ứng tim mạch (nhịp tim nhanh với lưu thông hyperdynamic).
- Xử trí: Uống than hoạt tính có thể giúp ngăn ngừa sự hấp thụ. Co giật và ảo giác có thể được kiểm soát. Chẹn beta-adrenergic có thể được sử dụng trong việc kiểm soát các biến chứng tim mạch.

**\* KHUYẾN CÁO:**

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng, nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến Bác sĩ.
- Thuốc này chỉ dùng theo đơn của Bác sĩ.
- Để xa tầm tay trẻ em.

**\* BẢO QUẢN:** Dưới 30<sup>0</sup>C, tránh ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**\* TIÊU CHUẨN:** Tiêu chuẩn cơ sở.